

PHỤ LỤC I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg

ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Phân loại đơn vị hành chính	
		2021-2025	2026-2030	2023-2025	2026-2030
1	Thành phố Quảng Ngãi	II	I*	Thành phố	
2	Sơn Tịnh				
2.1	Đô thị mới Sơn Tịnh (Tịnh Hà và một phần Tịnh Sơn)	V	V	Thị trấn	
2.2	Tịnh Bắc	-	V*	Xã	
2.3	Tịnh Phong	-	V	Xã	Thị trấn
3	Tur Nghĩa**				
3.1	La Hà	V	IV*	Thị trấn	
	Sông Vệ	V		Thị trấn	
3.2	Nghĩa Điền	-	V*	Xã	
3.3	Nghĩa Hòa	-	V*	Xã	
3.4	Nghĩa Kỳ	-	V*	Xã	
4	Bình Sơn	IV	III*	Thị xã	
4.1	Châu Ổ				
4.2	Vạn Tường				
5	Trà Bồng**				
5.1	Trà Xuân (mở rộng)	V	IV*	Thị trấn	
5.2	Trà Phong	-	V*	Xã	
5.3	Trà Bình	-	V*	Xã	
6	Đức Phổ	IV	III*	Thị xã	
7	Mộ Đức**				
7.1	Mộ Đức	V	IV*	Thị trấn	
7.2	Nam Sông Vệ - Quán Lát	-	V	Xã	Thị trấn
7.3	Đức Minh		V*	Xã	
7.4	Đức Lợi	-	V*	Xã	
7.5	Thạch Trụ (Đức Lân)	V	V	Xã	Thị trấn

STT	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Phân loại đơn vị hành chính	
		2021-2025	2026-2030	2023-2025	2026-2030
8	Nghĩa Hành**				
8.1	Chợ Chùa	V	IV*	Thị trấn	
8.2	Hành Thuận	-	V*	Xã	
8.3	Hành Thiện	-	V*	Xã	
9	Ba Tơ**				
9.1	Ba Tơ (mở rộng)	V	IV*	Thị trấn	
9.2	Ba Động	-	V*	Xã	
9.3	Ba Vì	-	V	Xã	Thị trấn
10	Sơn Hà**				
10.1	Di Lăng (mở rộng)	IV*	IV*	Thị trấn	
10.2	Sơn Hạ	-	V*	Xã	
11	Sơn Tây				
	Sơn Tây (Sơn Dung - Sơn Mùa)	V	V	Xã	Thị trấn
12	Minh Long				
	Minh Long (Long Hiệp)	V	V	Thị trấn	
13	Lý Sơn	IV*	IV		

Ghi chú:

- * Đạt một số tiêu chí cơ bản của loại đô thị;
- ** Khu vực phần đầu trở thành đô thị loại IV trong giai đoạn sau năm 2030, với khu vực nội thị là các đô thị hiện hữu và mở rộng các xã lân cận;
- Phạm vi, ranh giới dự kiến của các đô thị được xác định cụ thể trong nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật;
- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia. Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Dự kiến diện tích quy hoạch (ha)
	TỔNG CỘNG		6.648,0
I	Các khu công nghiệp đã thành lập tiếp tục duy trì, phát triển		2.555,0
1	Khu công nghiệp Quảng Phú	TP. Quảng Ngãi	74,5
2	Khu công nghiệp phía Tây (KCN Tây Dung Quất; KCN-ĐT-DV Dung Quất I)	Huyện Bình Sơn	500,0
3	Khu công nghiệp Đông Dung Quất	Huyện Bình Sơn	1.933,0
4	Khu công nghiệp Phổ Phong	TX. Đức Phổ	47,5
II	Các khu công nghiệp đã thành lập, dự kiến được mở rộng hoặc phát triển mới		1.312,0
1	Khu công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước (KCN Bình Hoà - Bình Phước I; KCN Bình Hoà - Bình Phước II)	Huyện Bình Sơn	592,0
2	Khu công nghiệp Tịnh Phong (KCN Tịnh Phong hiện hữu; KCN VSIP)	TP. Quảng Ngãi; Huyện Sơn Tịnh	720,0
III	Các khu công nghiệp dự kiến thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật		2.781,0
1	Khu công nghiệp Dung Quất II (thuộc Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Dung Quất II)	Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh	765,0
2	Khu công nghiệp Bình Thanh (thuộc KCN - ĐT- DV Bình Thanh)	Huyện Bình Sơn	1.399,0
3	KCN Bình Long	Huyện Bình Sơn	341,0
4	KCN An Phú (thuộc KCN, đô thị và dịch vụ An Phú)	Huyện Tư Nghĩa	276,0

Ghi chú:

- Tùy vào tiến độ đầu tư và khả năng thu hút đầu tư của từng dự án, sẽ phân bổ diện tích đất phù hợp đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư.
- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư./.

PHỤ LỤC III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Dự kiến diện tích quy hoạch (ha)
	TỔNG CỘNG		1.303
A	Các cụm công nghiệp đã thành lập tiếp tục duy trì và dự kiến mở rộng		566
I	Tiếp tục duy trì		
1	CCN Bình Nguyên	Huyện Bình Sơn	30
2	CCN Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh	30
3	CCN La Hà	Huyện Tư Nghĩa	30
4	CCN Quán Lát	Huyện Mộ Đức	33
5	CCN Thạch Trụ	Huyện Mộ Đức	20
6	CCN Thị trấn Mộ Đức	Huyện Mộ Đức	31
7	CCN Đồng Làng	Thị xã Đức Phổ	34
8	CCN Phổ Hòa	Thị xã Đức Phổ	4
9	CCN Phổ Phong	Thị xã Đức Phổ	17
10	CCN Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ	4
11	CCN Ba Động	Huyện Ba Tơ	25
12	CCN Đồng Dinh	Huyện Nghĩa Hành	30
13	CCN thị trấn Trà Xuân	Huyện Trà Bồng	10
II	Dự kiến mở rộng		
1	CCN Bình Long	Huyện Bình Sơn	75
2	CCN An Sơn - Đức Lân	Huyện Mộ Đức	75
3	CCN Hành Đức - Hành Minh	Huyện Nghĩa Hành	70
4	CCN Sơn Hạ	Huyện Sơn Hà	48
B	Các cụm công nghiệp dự kiến thành lập mới		737
I	Các cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch giai đoạn trước, giữ nguyên quy mô		

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Dự kiến diện tích quy hoạch (ha)
1	CCN Bình Mỹ	Huyện Bình Sơn	50
2	CCN hậu cần nghề cá Bình Chánh	Huyện Bình Sơn	15
3	CCN Bình Thọ	Huyện Sơn Tịnh	70
II	Các cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch giai đoạn trước, dự kiến mở rộng		
1	CCN Bình Khương	Huyện Bình Sơn	43
2	CCN Núi Dầu	Thị xã Đức Phổ	75
3	CCN Ba Đình	Huyện Ba Tơ	18
4	CCN Đồi Sim	Huyện Trà Bồng	5
III	Các cụm công nghiệp quy hoạch mới		
1	CCN Bình Long 1	Huyện Bình Sơn	70
2	CCN Bình Thọ 1	Huyện Sơn Tịnh	70
3	CCN Tịnh Phong	Huyện Sơn Tịnh	75
4	CCN Mỹ Trang	Thị xã Đức Phổ	75
5	CCN Đồng Xe	Thị xã Đức Phổ	70
6	CCN Ba Vì	Huyện Ba Tơ	20
7	CCN Sơn Hải	Huyện Sơn Hà	10
8	CCN Sơn Thượng	Huyện Sơn Hà	12
9	CCN Sơn Thủy	Huyện Sơn Hà	20
10	CCN Sơn Trung	Huyện Sơn Hà	14
11	CCN xã Trà Thủy	Huyện Trà Bồng	15
12	CCN xã Trà Bình	Huyện Trà Bồng	10
13	Các CCN khác thành lập mới khi đủ điều kiện	Các địa phương trên địa bàn tỉnh	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.

PHỤ LỤC IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Ghi chú
A	CAO TỐC, QUỐC LỘ			
	CAO TỐC			
I	Các tuyến hiện có			
	Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông (CT.01)			
	Đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	
II	Các tuyến Quy hoạch mới			
1	Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông (CT.01)			
	Đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (Bình Định)	Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	
2	Tuyến cao tốc Quảng Nam - Quảng Ngãi (CT22)	Huyện Bình Sơn	Ranh tỉnh Quảng Nam	
III	Các tuyến tiềm năng, nghiên cứu, đề xuất bổ sung, triển khai khi đủ điều kiện			
	Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum	Thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Đang đề nghị bổ sung vào quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia
B	QUỐC LỘ			
I	Các tuyến hiện hữu			
1	QL.1	Ranh tỉnh Bình Định	Ranh tỉnh Quảng Nam	
2	QL.24	Huyện Mộ Đức	Ranh tỉnh Kon Tum	

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Ghi chú
3	Đường Trường Sơn Đông	Ranh tỉnh Quảng Nam	Ranh tỉnh Kon Tum	
4	QL.24B	Cảng Sa Kỳ	Huyện Ba Tơ, Quảng Ngãi	
5	QL.24C	Cảng Dung Quất	Ranh tỉnh Quảng Nam	
II	Các tuyến Quy hoạch			
1	QL.19B	Ranh tỉnh Bình Định	Huyện Ba Tơ	
2	QL.24D	Huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Ranh tỉnh Kon Tum	
B	ĐƯỜNG TỈNH			
I	Các tuyến hiện có			
1	ĐT.621	Huyện Bình Sơn	Huyện Bình Sơn	
2	ĐT.623	Huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Tây	
3	ĐT.623B	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	
4	ĐT.624	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Ba Tơ	
5	ĐT.624B	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	
6	ĐT.626	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	
7	ĐT.627	Ranh giới tỉnh Quảng Nam	Ranh tỉnh Bình Định	
8	ĐT.627B	Huyện Mộ Đức	Thị xã Đức Phổ	
9	ĐT.628	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Sơn Hà	
II	Các tuyến kéo dài			
1	ĐT.622B	Huyện Bình Sơn	Huyện Trà Bồng	
2	ĐT.622C	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Trà Bồng	
3	ĐT.624C	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Ghi chú
III	Các tuyến mở mới			
1	ĐT.621C	Huyện Bình Sơn	Huyện Mộ Đức	
2	ĐT.621D	Huyện Bình Sơn	Thị xã Đức Phổ	
3	ĐT.622	Huyện Bình Sơn	Huyện Nghĩa Hành	
4	ĐT.622D	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Trà Bồng	
5	ĐT.624D	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	
6	ĐT.624E	Huyện Bình Sơn	Huyện Tư Nghĩa	
7	ĐT.626B	Huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Tây	
8	ĐT.627D	Huyện Ba Tơ	Ranh tỉnh Bình Định	
9	ĐT.623D	Huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Tây	
10	ĐT.623C	Huyện Sơn Hà	Huyện Ba Tơ	
11	ĐT.625	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Ba Tơ	
12	ĐT.627C	Thị xã Đức Phổ	Huyện Ba Tơ	
13	ĐT.621B	Huyện Bình Sơn	Huyện Trà Bồng	
14	Các tuyến đường bộ khác theo nhu cầu phát triển của tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố	

Ghi chú:

- Danh mục tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh bao gồm các tuyến đường tại Phụ lục này và một số tuyến đường khác nghiên cứu đầu tư, thực hiện theo nhu cầu phát triển của tỉnh; quy mô thực tế sẽ được tính toán trong quá trình đầu tư; tên, diện tích và phạm vi ranh giới các tuyến sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

- Đối với các đoạn đường qua đô thị, khu chức năng thì quy mô xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị; đối với các tuyến đường trục trong Khu kinh tế Dung Quất được thực hiện theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045./.

PHỤ LỤC V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên tuyến dự kiến	Chiều dài dự kiến	Cấp kỹ thuật
1	Tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn	32	Cấp II
2	Tuyến sông Trà Bồng		
-	<i>Đoạn Châu Ô - Sa Cần</i>	10,1	Cấp IV
-	<i>Đoạn Châu Ô - Thủy điện Cà Đú</i>	21	Cấp V
3	Tuyến sông Kinh Giang	19	Cấp IV
4	Tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé	8	Cấp III
5	Tuyến sông Trà Khúc		
-	<i>Đoạn hạ lưu đập dâng sông Trà Khúc - Cửa Đại</i>	10	Cấp IV
-	<i>Đoạn thượng lưu cầu và đường nối vào khu Đảo Ngọc - đập Thạch Nham</i>	20	Cấp IV - V
6	Tuyến sông Vệ	29	Cấp V
7	Tuyến sông Trà Cầu	11	Cấp V
8	Tuyến sông Thoa - sông Trường	32	Cấp VI
9	Tuyến Vạn Tường - Lý Sơn	28	Cấp III
10	Tuyến Tịnh Khê - Lý Sơn	32	Cấp III
11	Tuyến Tịnh Khê - Vạn Tường	30	Cấp III
12	Tuyến Tịnh Khê - Sa Huỳnh	60	Cấp III
13	10 Tuyến hồ Đắcđrink (Đăk Lang - Huy Ra Lung; Đăk Lang - Nước Vương; Đăk Lang - Đăk Nê; Huy Ra Lung - Ra Manh; Huy Ra Lung - Nước Vương; Huy Ra Lung - Đăk Nê; Ra Manh - Đăk Lang; Ra Manh - Nước Vương; Ra Manh - Đăk Nê; Nước Vương - Đăk Nê)		
14	Tuyến Trà Xanh - Sơn Bao (hồ Nước Trong)		
15	Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Đà Nẵng - Lý Sơn		

STT	Tên tuyến dự kiến	Chiều dài dự kiến	Cấp kỹ thuật
16	Tuyến hành lang ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		
17	Các tuyến vận tải thủy khác phục vụ vận tải hàng hóa và phục vụ du lịch của địa phương		

Ghi chú:

- Danh mục tuyến đường thủy nội bộ trên địa bàn tỉnh bao gồm các tuyến đường tại Phụ lục này và một số tuyến đường khác nghiên cứu đầu tư, thực hiện theo nhu cầu phát triển của tỉnh;
- Quy mô thực tế sẽ được tính toán trong quá trình đầu tư; tên, diện tích và phạm vi ranh giới các tuyến sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.

PHỤ LỤC VI.1
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH QUẢNG NGÃI
THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg

ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC DỰ ÁN QUAN TRỌNG, ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
I	Danh mục phát triển nguồn điện				
a	Nhiệt điện				
1	Nhà máy điện khí Dung Quất I	MW	Huyện Bình Sơn		750
2	Nhà máy điện khí Dung Quất II	MW	Huyện Bình Sơn		750
3	Nhà máy điện khí Dung Quất III	MW	Huyện Bình Sơn		750
4	NĐ Khí dư Hòa phát II	MW	Huyện Bình Sơn		300
b	Điện mặt trời xem xét sau năm 2030, được triển khai trong kỳ quy hoạch nếu thực hiện theo hình thức tự sản, tự tiêu				
	ĐMT Đầm Nước Mặn	MW	Thị xã Đức Phổ		40
II	Lưới điện 500kV				
a	Trạm biến áp				
1	Xây mới Trạm biến áp 500kV Dung Quất	MVA	Huyện Bình Sơn		900
2	Nâng công suất Trạm biến áp 500kV Dốc Sỏi	MVA	Huyện Bình Sơn	600	1.200
b	Đường dây				
1	Xây mới đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x500
2	Xây mới đường dây 500kV TBKHH Dung Quất - Dốc Sỏi	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x8
3	Xây mới đường dây 500kV TBKHH Dung	mạch x km	Các huyện, thị xã, thành phố		2x200

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
	Quất - Bình Định		đọc Quốc lộ 1		
4	Xây mới mạch 2 và cải tạo mạch 1 đường dây 500kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x100
III	Lưới điện 220KV				
a	Trạm biến áp				
1	Xây mới Trạm biến áp 220kV Dung Quất 2	MVA	Huyện Bình Sơn		500
2	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp 220kV Dốc Sỏi	MVA	Huyện Bình Sơn	250	500
3	Xây mới Trạm biến áp 220kV Quảng Ngãi 2	MVA	Huyện Sơn Tịnh		250
4	Cải tạo thanh cái 220kV trạm Dốc Sỏi		Huyện Bình Sơn		
5	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp 220kV thủy điện Nước Long	MVA	Huyện Ba Tơ	100	100+75
b	Đường dây				
1	Treo mạch 2 đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	mạch x km	Huyện Mộ Đức, thị xã Đức Phổ	1x142	2x142
2	Nâng khả năng tải đường dây 220kV Dốc Sỏi - Dung Quất	mạch x km	Huyện Bình Sơn	1x8	2x8
3	Xây mới đường dây 220kV TBKHH Dung Quất - Dung Quất 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x3
4	Xây mới đường dây 220kV TBKHH Dung Quất - Rẽ Dốc Sỏi - Dung Quất	mạch x km	Huyện Bình Sơn		4x3
5	Treo dây mạch 2 đường dây 220kV Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	mạch x km	Các huyện: Bình Sơn; Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức	1x59	2x59
6	Cụm TĐ Nước Long - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	mạch x km	Huyện Ba Tơ		2x4
7	Nâng khả năng tải Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x100

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
8	Dung Quất - Dung Quất 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x3
9	Quảng Ngãi 2 - Rẽ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	mạch x km	Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh		4x2

B. DANH MỤC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

I	Dự án đang triển khai thi công xây dựng, dự kiến điều chỉnh quy mô, công suất trong thời kỳ quy hoạch					
1	Thủy điện Long Sơn	MW	Huyện Sơn Hà		18	Quy hoạch cũ 10,6MW
2	Thủy điện Trà Khúc 2	MW	Huyện Sơn Hà		36	Quy hoạch cũ 30MW
3	Thủy điện Sông Liên 2	MW	Huyện Ba Tơ		14,4	Quy hoạch cũ 12MW
II	Dự án chuẩn bị triển khai thi công, dự kiến điều chỉnh quy mô, công suất trong thời kỳ quy hoạch					
1	Thủy điện Sơn Nham	MW	Huyện Sơn Hà		9	Quy hoạch cũ 6,8MW
2	Thủy điện Sơn Linh	MW	Huyện Sơn Hà		15	Quy hoạch cũ 7MW
III	Dự án đã vận hành, đang xin điều chỉnh nâng công suất trong thời kỳ quy hoạch					
1	Nhà máy thủy điện Hà Nang	MW	Huyện Trà Bồng	11	26	
2	Nhà máy thủy điện Nước Trong (thủy lợi kết hợp thủy điện)	MW	Huyện Sơn Hà	16,5	23,5	Thủy lợi kết hợp thủy điện
3	Nhà máy thủy điện Núi Ngang (thủy lợi kết hợp thủy điện)	MW	Huyện Ba Tơ	0,7	2	Thủy lợi kết hợp thủy điện
IV	Dự án đã được phê duyệt quy hoạch, chuẩn bị thực hiện lựa chọn nhà đầu tư					
1	Thủy điện Đăkre 1A	MW	Huyện Ba Tơ		15	Quy hoạch trước đây 9MW
2	Thủy điện Đăkre 3	MW	Huyện Ba Tơ		24	Quy hoạch trước đây 16,5MW
3	Thủy điện Sơn Màu 1,2	MW	Huyện Sơn Tây		15	

4	Thủy điện Trà Phong 1C	MW	Huyện Trà Bồng		13,6	
5	Thủy điện Trà Lanh	MW	Huyện Trà Bồng		5	

C. DANH MỤC TRẠM BIẾN ÁP VÀ LƯỚI ĐIỆN 110KV

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
I	Trạm biến áp					
1	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Bình Chánh	MVA	Huyện Bình Sơn	25	25+40	
2	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Bình Nguyên	MVA	Huyện Bình Sơn	25	25+40	
3	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Càng Dung Quất	MVA	Huyện Bình Sơn	40	40+63	
4	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Đức Phổ	MVA	Thị xã Đức Phổ	25	25+40	
5	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Dung Quất (178)	MVA	Huyện Bình Sơn	2x25	25+63	
6	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Mộ Đức	MVA	Huyện Mộ Đức	2x25	25+63	
7	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Quảng Ngãi	MVA	Tp. Quảng Ngãi	40+63	2x63	
8	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Quảng Phú	MVA	TP. Quảng Ngãi	25+40	40+63	
9	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Sơn Hà (nổi cấp)	MVA	Huyện Sơn Hà	25+40	2x63	
10	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Thép Hòa Phát	MVA	Huyện Bình Sơn	500	600	
11	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Tịnh Phong	MVA	Huyện Sơn Tịnh	2x40	2x63	
12	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp Tư Nghĩa	MVA	Huyện Tư Nghĩa	25	2x25	
13	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp VSIP	MVA	Huyện Bình Sơn	2x40	2x63	
14	Xây dựng mới trạm biến áp Ba Tơ	MVA	Huyện Ba Tơ		40	GĐ 1: 25MVA; GĐ 2: nâng công suất lên 40MVA
15	Xây dựng mới trạm biến áp Bình Phước	MVA	Huyện Bình Sơn		40	
16	Xây dựng mới trạm biến áp Dung Quất 2	MVA	Huyện Bình Sơn		40	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
17	Xây dựng mới trạm biến áp Dung Quất 3 và đường dây 110kV 2 mạch AC-300 đầu nối chuyển tiếp trên tuyến Dung Quất - Dung Quất 2	MVA	Huyện Bình Sơn		40	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 0,5km
18	Xây dựng mới trạm biến áp KĐT CN Dung Quất	MVA	Huyện Bình Sơn		63	
19	Xây dựng mới trạm biến áp Mỹ Khê	MVA	Huyện Sơn Tịnh		25	
20	Xây dựng mới trạm biến áp Nghĩa Hà	MVA	Huyện Tư Nghĩa		25	
21	Xây dựng mới trạm biến áp Nghĩa Hành	MVA	Huyện Nghĩa Hành		25	
22	Xây dựng mới trạm biến áp Quảng Ngãi 2	MVA	Tp. Quảng Ngãi		63	
23	Xây dựng mới trạm biến áp Quảng Ngãi 3 và đường dây 110kV 2 mạch AC-400 đầu nối chuyển tiếp trên tuyến Dốc sỏi - Quảng Ngãi	MVA	Tp. Quảng Ngãi		63	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 1km
24	Xây dựng mới trạm biến áp Tây Dung Quất và đường dây 110kV 2 mạch AC-300 đầu nối chuyển tiếp trên tuyến Dốc sỏi - Bình Chánh	MVA	Huyện Bình Sơn		63	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 2,5km
25	Xây dựng mới trạm biến áp Thép Hòa Phát 2	MVA	Huyện Bình Sơn		800	GĐ1 600MVA; GĐ2 nâng công suất lên 800MVA
26	Xây dựng mới trạm biến áp Thép Hòa Phát 3 và đường dây 110kV 2 mạch AC-400 đầu nối trạm Thép Hòa phát 2	MVA	Huyện Bình Sơn		600	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 2km
27	Xây dựng mới trạm biến áp Phổ Minh	MVA	Thị xã Đức Phổ		25	
28	Xây dựng mới trạm biến áp thị trấn Mộ Đức và đường dây 110kV 2 mạch AC-240 đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 110kV Quảng Ngãi 220kV -	MVA	Huyện Mộ Đức		40	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 1km

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
	Quảng Ngãi					
29	Xây dựng mới trạm biến áp Trà Bồng	MVA	Huyện Trà Bồng		40+25	GĐ1 1x40MVA; GĐ2 nâng công suất lên (40+25)MVA
30	Xây dựng mới trạm biến áp VNT	MVA	Huyện Bình Sơn		40	
31	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 2 và đường dây 110kV đầu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Sơn Tịnh		63	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 1km
32	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 3 và đường dây 110kV đầu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Sơn Tịnh		63	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 2km
33	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 4 và đường dây 110kV đầu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Sơn Tịnh		63	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 1km
34	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 5 và đường dây 110kV đầu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Bình Sơn		63	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 1km
35	Xây dựng mới trạm biến áp VSIP 6 và đường dây 110kV đầu nối 2 mạch AC-400	MVA	Huyện Bình Sơn		63	Bao gồm đường dây đầu nối 110kV 2 mạch x 1km
36	Xây dựng mới trạm biến áp Nhà máy lọc dầu Dung Quất	MVA	Huyện Bình Sơn		2x63	
37	Xây dựng các trạm biến áp và đường dây đầu nối nguồn điện theo quy hoạch quốc gia.	MVA	Toàn tỉnh		Dự kiến 300MVA	Theo nhu cầu
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Các huyện, thị xã, thành phố			Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án thay thế, lắp đặt thiết bị; mở

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
						rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ theo hướng linh hoạt; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm ...
II	Đường dây					
1	Xây dựng 2 mạch AC-185 Bình Nguyên - Trà Bồng	mạch x km	Các huyện: Bình Sơn; Trà Bồng		2x28	
2	Xây dựng 1 mạch AC-185 Dung Quất 220 - VNT	mạch x km	Huyện Bình Sơn		1x5	
3	Xây dựng 2 mạch AC-300 Dung Quất 220 - Dung Quất 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x15	
4	Xây dựng 2 mạch AC-400 đầu nối trạm Mỹ Khê	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi		2x8,5	
5	Xây dựng 2 mạch AC-240 Đầu nối trạm Nghĩa Hà (Đầu chuyển tiếp trên ĐD 110kV Quảng Ngãi 220 - Quảng Ngãi)	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Tư Nghĩa		2x6	
6	Xây dựng 2 mạch AC-400+XLPE1200 đầu nối trạm Quảng Ngãi 2 (Chuyển tiếp trên ĐD 110kV Dốc sỏi - Quảng Ngãi)	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Sơn Tịnh		2x3	
7	Xây dựng 2 mạch AC-185 Quảng Ngãi (220kV) - Nghĩa Hành	mạch x km	Các huyện: Mộ Đức; Nghĩa Hành		2x20	
8	Xây dựng 2 mạch AC-240 đầu nối TBA 110kV Ba Tơ (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Quảng Ngãi 220- TĐ Đăkre	mạch x km	Huyện Ba Tơ		2x0,5	
9	Xây dựng 2 mạch AC-240 đầu nối TBA 110kV Phổ Minh (Đầu chuyển tiếp	mạch x km	Thị xã Đức Phổ		2x2	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
	trên ĐD 110kV Quảng Ngãi 220kV - Đức Phổ)					
10	Xây dựng 2 mạch AC-185 Sơn Hà (220kV) - TĐ Trà Phong	mạch x km	Các huyện: Sơn Hà; Trà Bồng		2x17	Giai đoạn 1 treo dây 1 mạch
11	Xây dựng 1 mạch AC-185 TĐ Trà Phong - TĐ Tây Trà 1,2,3	mạch x km	Huyện Trà Bồng		1x2,5	
12	Xây dựng 1 mạch AC-300 Sơn Hà (220kV) - TĐ Trà Khúc 1	mạch x km	Huyện Sơn Hà		1x11	
13	Xây dựng 1 mạch AC-185 TĐ Trà Khúc 2 - TĐ Trà Khúc 1	mạch x km	Huyện Sơn Hà		1x8	
14	Xây dựng 1 mạch AC-240 TĐ Nam Vao (Kon Tum) - TĐ Đắkđrinh	mạch x km	Huyện Sơn Tây		1x20, 45	
15	Xây dựng 2 mạch ACCC-315 (dây dẫn siêu nhiệt) thép Hòa Phát - thép Hòa Phát 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x3	
16	Xây dựng 2 mạch AC-300 Dung Quất (220kV) - Dung Quất (110kV)	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x0,6	
17	Xây dựng 2 mạch AC-2x400 Dung Quất 2 (220kV) - thép Hòa Phát 2	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x1	
18	Xây dựng 1 mạch AC-185 + trạm cắt thủy điện Ba Nam (Đầu chuyển tiếp trên ĐD 110kV TĐ Đăkre - Quảng Ngãi 220kV)	mạch x km	Huyện Ba Tơ		1x19	
19	Cải tạo nâng tiết diện dây dẫn AC-2x240 đường dây 110kV TĐ Đăkre - Quảng Ngãi 220kV (Đoạn từ Trạm cắt thủy điện Ba Nam - Quảng Ngãi 220kV)	mạch x km	Các huyện: Ba Tơ, Mộ Đức		1x30	
20	Xây dựng 2 mạch AC-300 Dốc Sỏi - Bình Phước	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x10	
21	Xây dựng 1 mạch AC-400 Quảng Ngãi 2(220kV) - VSIP 3	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; Huyện Sơn Tịnh		2x2	
22	Xây dựng 4 mạch AC-400 đầu nối 110kV sau TBA 220kV Quảng Ngãi 2 (Đầu	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Sơn		4x4	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Địa điểm dự kiến	Quy mô, công suất dự kiến		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
	chuyển tiếp trên mạch kép ĐZ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi 220, sử dụng ĐZ đầu nối VSIP 3 hiện có)		Tỉnh			
23	Xây dựng 2 mạch AC-300 đầu nối TBA 110kV Khu ĐT CN Dung quất (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Dung quất 220 - Dốc sỏi 220)	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x1,5	
24	Cải tạo thay dây 2 mạch AC-300 tuyến đường dây 110kV Dung quất 220 - Dốc sỏi 220	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x11	
25	Xây dựng mới đường dây 110kV AC300 Nhà máy lọc dầu Dung Quất- TBA 220kV Dung Quất	mạch x km	Huyện Bình Sơn		2x5	
26	Cải tạo nâng tiết diện ĐZ 110kV 2 mạch (AC400 và ACCC277) Bình Nguyên - Quảng Ngãi	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Bình Nguyên		2x26	
27	Cải tạo nâng tiết diện ĐZ 110kV 2 mạch AC-240 TBA 220kV Quảng Ngãi - Quảng Ngãi (Núi Bút)	mạch x km	Tp. Quảng Ngãi; huyện Sơn Tịnh		2x27	
28	Xây dựng mới các tuyến đường dây phục vụ đầu nối nguồn điện theo quy hoạch quốc gia	mạch x km	Toàn tỉnh		Dự kiến 100k m	Theo nhu cầu

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tên, vị trí, quy mô, công suất của các dự án sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án;

- Các dự án thủy điện đã vận hành, đang triển khai thi công, chuẩn bị triển khai thi công chỉ được điều chỉnh quy mô, công suất khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc đầu tư các dự án thủy điện đã được phê duyệt quy hoạch phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất,...; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước,... và các quy định khác có liên quan./.

PHỤ LỤC VI.2
NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG
CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg

ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
I	Thủy điện				149
1	Thủy điện Nước Long A	MW	Huyện Ba Tơ		25
2	Thủy điện Ba Nam	MW	Huyện Ba Tơ		42
3	Thủy điện Sơn Trà 1D	MW	Huyện Sơn Hà		10
4	Thủy điện Long Sơn A	MW	Huyện Sơn Hà		10
5	Thủy điện Nước Long 1A	MW	Huyện Ba Tơ và huyện Kon Plong, tỉnh Kontum		20
6	Thủy điện Đắc Lô 5	MW	Huyện Sơn Tây và huyện Kon Plong, tỉnh Kontum		12
7	Thủy điện Thượng Sông vệ (thủy lợi kết hợp thủy điện)	MW	Huyện Ba Tơ		12
8	Các dự án thủy lợi kết hợp thủy điện	MW	Huyện Ba Tơ		18
II	Nhiệt điện rác				40
1	Điện rác Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp	MW	Các huyện: Sơn Tịnh, Bình Sơn		25
2	Điện rác Tư Nghĩa	MW	Huyện Tư Nghĩa		15
III	Điện gió trên bờ				383
1	Bùi Hui	MW	Huyện Ba Tơ		120
2	Sa Huỳnh	MW	Thị xã Đức Phổ		50
3	Bình Châu	MW	Huyện Bình Sơn		100
4	Cao nguyên Bùi Hui	MW	Huyện Ba Tơ		65

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Dự kiến địa điểm	Dự kiến quy mô, công suất	
				Hiện trạng	Quy hoạch
5	Điện gió xung quanh Nhà máy Lọc hóa Dầu Bình Sơn	MW	Huyện Bình Sơn		48
IV	Điện mặt trời mái nhà	MW	Các huyện		200
V	Điện sinh khối	MW	Các huyện: Tư Nghĩa, Bình Sơn và thị xã Đức Phổ		100
VI	Nhiệt điện khí				1.110
1	Nhà máy điện khí Dung Quất IV	MW	Huyện Bình Sơn		750
2	Nâng công suất Nhà máy Nhiệt điện khí dự Hòa Phát I (Tự dùng)	MW	Huyện Bình Sơn	240	360

Ghi chú: Các dự án nguồn điện và lưới điện tiềm năng của tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030 chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan./.

PHỤ LỤC VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Vị trí khu xử lý	Dự kiến địa điểm	Dự kiến diện tích đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
I	Khu xử lý cấp quốc gia			
1	Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất	Huyện Sơn Tịnh và huyện Bình Sơn	82	Thành lập mới
II	Khu xử lý liên tỉnh, vùng tỉnh			
1	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	Huyện Bình Sơn	70	
III	Khu xử lý liên huyện, vùng huyện			
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	Huyện Tư Nghĩa và huyện Nghĩa Hành.	137	
2	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ	18	Thành lập mới

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

PHỤ LỤC VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU VÀ
PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Loại công trình	Dự kiến địa điểm
1	Thượng Sông Vệ	Hồ chứa	Huyện Ba Tơ
2	Nước Trong	Hồ chứa	Huyện Sơn Hà
3	Hệ thống thủy lợi hồ Núi Ngang - Liệt Sơn	Hệ thống kênh và hồ chứa	Huyện Ba Tơ, Thị xã Đức Phổ
4	Hệ thống thủy lợi Thạch Nham	Đập dâng và hệ thống các kênh	Huyện Sơn Hà
5	Đê Bình Minh - Bình Trung, đê Châu Ổ (sông Trà Bồng)	Đê sông	Huyện Bình Sơn
6	Đê bờ Bắc, Nam sông Trà Khúc đoạn từ cầu đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến Cửa Đại	Đê sông	Huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi
7	Đê sông Trà Câu (đoạn từ đường sắt Bắc - Nam đến cửa Mỹ Á)	Đê sông	Thị xã Đức Phổ
8	Hệ thống hạ tầng thủy lợi khác	Hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm, đê, kè, kênh,...có tính chất vùng huyện, liên xã và phòng chống thiên tai	Các huyện, thị xã, thành phố

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

PHỤ LỤC IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ
BÃO TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cảng cá	Dự kiến địa điểm	Ghi chú
A	Cảng cá		
I	Các dự án đầu tư, nâng cấp sửa chữa		
1	Cảng cá Lý Sơn loại I	Huyện đảo Lý Sơn	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng
2	Cảng cá Sa Huỳnh loại I	Thị xã Đức Phổ	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
3	Cảng cá Tịnh Hòa loại I	Thành phố Quảng Ngãi	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng
4	Cảng cá Sa Kỳ loại II	Thành phố Quảng Ngãi	
5	Cảng cá Sông Trà Bồng loại II	Huyện Bình Sơn	
II	Các dự án đầu tư, xây mới		
1	Cảng cá Sa Cần loại II	Huyện Bình Sơn	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
2	Cảng cá Cổ Lũy loại II	Thành phố Quảng Ngãi	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
3	Cảng cá Mỹ Á loại II	Thị xã Đức Phổ	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
4	Cảng cá Đức Lợi loại III	Huyện Mộ Đức	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
B	Khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng		
I	Các dự án đầu tư, nâng cấp sửa chữa		

STT	Tên cảng cá	Dự kiến địa điểm	Ghi chú
1	Tịnh Hòa	Thành phố Quảng Ngãi	Kết hợp cảng cá Tịnh Hòa
2	Lý Sơn	Huyện Lý Sơn	Kết hợp cảng cá Lý Sơn
C	Khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh		
I	Các dự án đầu tư, nâng cấp sửa chữa		
1	Mỹ Á	Thị xã Đức Phổ	Kết hợp cảng cá Mỹ Á
II	Các dự án đầu tư, xây mới		
1	Cổ Lũy	Thành phố Quảng Ngãi	Kết hợp cảng cá Cổ Lũy
2	Cửa Sa Cần	Huyện Bình Sơn	Kết hợp cảng cá Sa Cần
3	Cửa Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ	Kết hợp cảng cá Sa Huỳnh
4	Đức Lợi	Huyện Mộ Đức	Kết hợp cảng cá Đức Lợi

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

PHỤ LỤC X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Khối trường Trung học phổ thông

STT	Tên trường	Địa điểm
I	Danh mục cơ sở giáo dục đào tạo dự kiến nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị	
1	Trường THPT Ba Tơ	Huyện Ba Tơ
2	Trường THPT Phạm Kiệt	Huyện Ba Tơ
3	Trường THPT Bình Sơn	Huyện Bình Sơn
4	Trường THPT Trần Kỳ Phong	Huyện Bình Sơn
5	Trường THPT Lê Quý Đôn	Huyện Bình Sơn
6	Trường THPT Vạn Tường	Huyện Bình Sơn
7	Trường THPT Số 1 Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
8	Trường THPT Số 2 Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
9	Trường THPT Lương Thế Vinh	Thị xã Đức Phổ
10	Trường THPT Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
11	Trường THPT Minh Long	Huyện Minh Long
12	Trường THPT Phạm Văn Đồng	Huyện Mộ Đức
13	Trường THPT Số 2 Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
14	Trường THPT Trần Quang Diệu	Huyện Mộ Đức
15	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Huyện Mộ Đức
16	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	Huyện Nghĩa Hành
17	Trường THPT Nguyễn Công Phương	Huyện Nghĩa Hành
18	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành	Huyện Nghĩa Hành

STT	Tên trường	Địa điểm
19	Trường THPT Sơn Hà	Huyện Sơn Hà
20	Trường THPT Quang Trung	Huyện Sơn Hà
21	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Huyện Sơn Hà
22	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Huyện Sơn Tây
23	Trường THPT Ba Gia	Huyện Sơn Tịnh
24	Trường THPT Sơn Mỹ	TP. Quảng Ngãi
25	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	TP. Quảng Ngãi
26	Trường THPT Lê Trung Đình	TP. Quảng Ngãi
27	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	TP. Quảng Ngãi
28	Trường THPT - DTNT Tĩnh	TP. Quảng Ngãi
29	Trường THPT Chuyên Lê Khiết	TP. Quảng Ngãi
30	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	TP. Quảng Ngãi
31	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa
32	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa
33	Trường THPT Thu Xà	Huyện Tư Nghĩa
34	Trường THPT Chu Văn An	Huyện Tư Nghĩa
35	Trường THPT Trà Bồng	Huyện Trà Bồng
36	Trường THPT Tây Trà	Huyện Trà Bồng
37	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Huyện Trà Bồng
38	THPT Tư thực Trương Định	Huyện Sơn Tịnh
39	Thành phố Giáo dục quốc tế IEC Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
40	THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ	TP. Quảng Ngãi
II	Danh mục cơ sở giáo dục đào tạo dự kiến xây mới	

STT	Tên trường	Địa điểm
1	Trường THPT Tư thực La Hà	Huyện Tư Nghĩa
2	Trường THPT Tư thực Hành Đức	Huyện Nghĩa Hành
3	Các cơ sở giáo dục thành lập mới theo nhu cầu phát triển của tỉnh khi đáp ứng đủ điều kiện	Các huyện, thị xã, thành phố

B. Khối trường Đại học, Cao đẳng

STT	Tên trường	Địa điểm
	Danh mục cơ sở giáo dục đào tạo dự kiến nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị	
1	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	TP. Quảng Ngãi
2	Trường Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa
3	Trường Đại học công nghiệp TP. Hồ Chí Minh - cơ sở Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
4	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thuỳ Trâm	TP. Quảng Ngãi

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

PHỤ LỤC XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên	Địa điểm dự kiến
A	Danh mục cơ sở y tế tiếp tục duy trì, dự kiến nâng cấp, mở rộng, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế	
I	Tuyến tỉnh	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
2	BV Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
3	Bệnh viện Tâm thần	TP. Quảng Ngãi
4	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
5	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
6	Bệnh viện Mắt tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm	Thị xã Đức Phổ
8	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
9	Bệnh viện phía Bắc thành phố Quảng Ngãi (cơ sở 2 bệnh viện đa khoa tỉnh)	TP. Quảng Ngãi
10	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	Tp. Quảng Ngãi
11	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (Tại vị trí cơ sở 2 trung tâm y tế huyện Bình Sơn - Bệnh viện đa khoa Dung Quất)	Huyện Bình Sơn
12	Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Ngãi	Tp. Quảng Ngãi
13	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình	Tp. Quảng Ngãi
14	Trung tâm pháp y	Tp. Quảng Ngãi
15	Trung tâm giám định y khoa	Tp. Quảng Ngãi
II	Tuyến huyện	
1	TTYT thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
2	TTYT huyện Sơn Tịnh	Huyện Sơn Tịnh
3	TTYT huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Hà
4	TTYT huyện Nghĩa Hành	Huyện Nghĩa Hành
5	TTYT huyện Bình Sơn	Huyện Bình Sơn

STT	Tên	Địa điểm dự kiến
6	TTYT huyện Minh Long	Huyện Minh Long
7	TTYT huyện Trà Bồng	Huyện Trà Bồng
8	TTYT huyện Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa
9	TTYT huyện Sơn Tây	Huyện Sơn Tây
10	TTYT huyện Ba Tơ	Huyện Ba Tơ
11	TTYT huyện Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
12	TTYT Quân Dân Y kết hợp huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
13	TTYT Thị xã Đức Phổ (chức năng dự phòng)	Thị xã Đức Phổ
B	Danh mục cơ sở y tế dự kiến xây dựng mới	
1	Bệnh viện đa khoa phía Bắc thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
2	Bệnh viện đa khoa phía Bắc huyện Tư Nghĩa	Huyện Tư Nghĩa
3	Bệnh viện đa khoa phía Tây tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà
4	Bệnh viện đa khoa phía Nam thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
5	Bệnh viện đa khoa KĐT Châu Ổ - Bình Long	Huyện Bình Sơn
6	Bệnh viện đa khoa khu vực Dốc Sỏi	Huyện Bình Sơn
7	Bệnh viện đa khoa phía Đông huyện Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
8	Bệnh viện đa khoa Tịnh Phong, Dung Quất	Huyện Sơn Tịnh
9	Bệnh viện đa khoa phía Nam, huyện Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
10	Các cơ sở khác khi đáp ứng đủ điều kiện	Các huyện, thị xã, thành phố

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

PHỤ LỤC XII
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Loại đất			
1	Đất nông nghiệp	NNP	444.478	414.501
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	40.069	33.706
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>38.569</i>	<i>31.665</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		63.308
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	103.305	103.305
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	20.302	20.302
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	155.653	150.576
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>21.618</i>	<i>15.217</i>
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	69.950	99.591
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.592	2.414
2.2	Đất an ninh	CAN	133	255
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3.157	6.648
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		1.303
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		7.856
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		766
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		317
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	26.857 (*)	39.070
	<i>Trong đó:</i>			

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
-	Đất giao thông	DGT	14.105	16.822
-	Đất thủy lợi	DTL		7.950
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	273	256
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	113	190
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	862	969
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	386	2.123
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.500	4.367
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	41	21
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	7	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		203
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		5.043
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	166	472
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	350	476
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		30
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT		12.322
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT		9.890
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		275
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		134
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.097	1.433
II	Khu chức năng			
1	Đất khu công nghệ cao	KCN		292
2	Đất khu kinh tế	KKT	45.332	45.332
3	Đất đô thị	KDT	32.815	81.446
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN		94.973
5	Khu lâm nghiệp	KLN		274.183

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	<i>Khu du lịch</i>	<i>KDL</i>		<i>11.329</i>
7	<i>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>	<i>KBT</i>		<i>28.227</i>
8	<i>Khu phát triển công nghiệp</i>	<i>KPC</i>		<i>7.951</i>
9	<i>Khu đô thị</i>	<i>DTC</i>		<i>13.858</i>
10	<i>Khu thương mại - dịch vụ</i>	<i>KTM</i>		<i>7.825</i>
11	<i>Khu dân cư nông thôn</i>	<i>DNT</i>		<i>31.913</i>

Ghi chú:

- (*) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia.
- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.
- Diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm các loại đất nông nghiệp khác như đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản... Diện tích đất phi nông nghiệp còn bao gồm các loại đất phi nông nghiệp khác như đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sông, ngòi,...
- Diện tích đất khu kinh tế, đất khu công nghệ cao, đất đô thị không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên./.

PHỤ LỤC XIII
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN
TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Dự kiến địa điểm	Số lượng khu quy hoạch
I	Khoáng sản kim loại, khoáng chất và khoáng sản khác	35
1	Ti tan	1
2	Vàng	3
3	Sắt	4
4	Thiếc	1
5	Wolfram	1
6	Graphit	4
7	Kaolin	8
8	Felspat	5
9	Felspat đi cùng mi ca	3
10	Silimanit	1
11	Vermiculit	1
12	Nước khoáng	3
II	Khoáng sản làm VLXD thông thường	432
1	Đá xây dựng	85
2	Cát sỏi làm vật liệu xây dựng	108
3	Đất đồi làm VL san lấp	239

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch, quy định khác có liên quan; bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) cho phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan./.

PHỤ LỤC XIV
DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN
CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
*	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải	
1	Tuyến đường Ven Biển Dung Quất - Sa Huỳnh	Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
2	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	Huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và TP. Quảng Ngãi
3	Đường nối từ cầu Thạch Bích đi Tịnh Phong	Huyện Sơn Tịnh và TP. Quảng Ngãi
4	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc I - bến Tam Thương)	TP. Quảng Ngãi
5	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	TP. Quảng Ngãi
6	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chùa	Huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành
7	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
8	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (Cầu Trà Khúc 3)	Các huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa
9	Cầu Trà Khúc 1	TP. Quảng Ngãi
10	Đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng các Cảng	Các huyện, thị xã thành phố ven biển gồm: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi
11	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, đường liên huyện	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
12	Đầu tư xây dựng một số công trình cầu trên các sông thuộc địa bàn tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	Đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp	
13	Các tuyến đường trục trong Khu kinh tế Dung Quất	Huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh
14	Hệ thống thu gom và các trạm xử lý nước thải trong khu kinh tế Dung Quất	Huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh
15	Xây dựng hạ tầng các khu tái định cư, nghĩa trang, nghĩa địa trong Khu kinh tế Dung Quất	Huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh
*	Đầu tư phát triển hệ thống đô thị	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
16	Xây dựng phát triển hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
17	Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi, lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc	TP.Quảng Ngãi
18	Khu đô thị mới đảo An Phú (đảo Ngọc)	TP.Quảng Ngãi
*	Đầu tư các dự án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ; phát triển du lịch	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	Đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ phát triển lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	
19	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi đồng muối Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ
20	Hồ chứa nước Suối Đá	Huyện Nghĩa Hành
21	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cỏ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	TP. Quảng Ngãi
22	Vùng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	Huyện Lý Sơn
23	Đê chắn sóng bến Cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn)	Huyện Lý Sơn
24	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) (Quảng Ngãi)	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
25	Hiện đại hóa thủy lợi nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
26	Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
27	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
28	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long	Huyện Minh Long
29	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sở Hầu, thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
30	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh
31	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối)	Huyện Bình Sơn
32	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Sơn Tịnh (Hồ Vàng, Hồ Đèo, Đá Chồng)	Huyện Sơn Tịnh
33	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
34	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp giải phóng mặt bằng để khai thác quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh An và Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
35	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các cảng cá, khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá; khu dịch vụ hậu cần nghề cá	Các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ, TP. Quảng Ngãi
36	Dự án thu, trữ nước huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
*	Y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội, quản lý nhà nước	
37	Trung tâm hội nghị và triển lãm tỉnh	TP. Quảng Ngãi
38	Xây dựng Hội trường thuộc trụ sở UBND tỉnh	TP. Quảng Ngãi
39	Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và đường vành đai xung quanh sân vận động	TP. Quảng Ngãi
40	Trung tâm y tế quân dân y kết hợp huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
41	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục: Khu điều trị cấp bộ trung cao, khu kỹ thuật cao, các khoa phòng chức năng và hạng mục phụ trợ)	TP. Quảng Ngãi
42	Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh	Huyện Sơn Tịnh
43	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	Thị xã Đức Phổ
44	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho 04 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Quảng Ngãi	Thị xã Đức Phổ, các huyện: Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành
45	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
46	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
47	Đầu tư xây dựng Cơ sở cai nghiện ma túy	Huyện Tư Nghĩa
48	Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Quảng Ngãi - Giai đoạn 2	TP. Quảng Ngãi
49	Nâng cấp Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi (trụ sở I,II)	TP. Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa
50	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
51	Chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
52	Xây dựng Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở Ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
53	Đầu tư hệ thống trang thiết bị cho sản xuất và truyền dẫn phát sóng các chương trình phát thanh, phát thanh có hình và trang bị máy phát điện dự phòng 500 KVA	TP. Quảng Ngãi

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
54	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng bệnh viện tuyến tỉnh	TP. Quảng Ngãi
55	Nâng cấp mở rộng các công trình thuộc các trường học trên địa bàn tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
56	Đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
57	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết chế, mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
58	Phát triển, mở rộng nền tảng số, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nâng cao hiệu quả phục vụ của Chính quyền số; Phát triển, nâng cấp hạ tầng chính quyền số; Đảm bảo an toàn an ninh thông tin	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
59	Xây dựng đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi và các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
60	Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cho các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình và công tác quản lý lĩnh vực báo chí, truyền thông; Đầu tư hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ truyền thông quảng bá; Chuyển đổi số cho hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại của tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	Đầu tư các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh	
61	Đầu tư mới trụ sở làm việc mới cho công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
62	Đầu tư hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
63	Các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	Các dự án khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
II	CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ	
*	Giao thông vận tải	
1	Cảng hàng không Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
2	Đường Cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum	Thị xã Đức Phổ, huyện Ba Tơ
3	Đầu tư xây dựng một số bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
4	Đầu tư xây dựng một số công trình cầu trên các sông thuộc địa bàn tỉnh (Sông Trà Bồng, Sông Trà Khúc, Sông Vệ v.v.)	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
5	Hệ thống Cảng biển tại Khu kinh tế Dung Quất	Huyện Bình Sơn
*	Công nghiệp, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
6	Sản xuất hoá chất và các sản phẩm dầu khí.	Huyện Bình Sơn
7	Công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng công nghệ cao và thân thiện hơn với môi trường	Huyện Bình Sơn
8	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Huyện Bình Sơn; huyện Sơn Tịnh
9	Đầu tư, mở rộng các kho chứa các sản phẩm lọc hóa dầu trên địa bàn tỉnh	Huyện Bình Sơn
10	Công nghiệp sản xuất điện: Nhiệt điện khí, điện gió, thủy điện, điện sinh khối, điện rác (đầu tư mới và nâng công suất)	Các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Sơn Tịnh.
11	Công nghiệp phụ trợ, sản xuất, các phụ phẩm và phế thải công nghiệp	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	Du lịch, thương mại, dịch vụ, văn hoá, thể thao	
12	Đầu tư sân golf kết hợp với các khu nghỉ dưỡng, du lịch, thể thao, vui chơi giải trí	Các huyện: Bình Sơn, Lý Sơn
13	Khu liên hợp thể dục thể thao cấp tỉnh	TP. Quảng Ngãi
14	Khu du lịch Mỹ Khê	TP. Quảng Ngãi
15	Khu du lịch đảo Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
16	Quần thể đô thị nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Thạch Bích - Núi Chúa	Các huyện: Trà Bồng, Bình Sơn
17	Khu dịch vụ - du lịch An Vĩnh	Huyện Lý Sơn
18	Khu dịch vụ - du lịch Đồng Hộ, An Hải	Huyện Lý Sơn
19	Khu du lịch sinh thái Thạch Bích	Các huyện: Trà Bồng, Bình Sơn
20	Khu du lịch sinh thái Cà Đam	Huyện Trà Bồng
21	Khu du lịch sinh thái Bùi Hui	Huyện Ba Tơ
22	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Núi Ngang	Huyện Ba Tơ
23	Khu du lịch Bình Châu	Huyện Bình Sơn
24	Khu du lịch Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ
25	Khu hậu cần dịch vụ - logistics Cảng hàng không Chu Lai	Huyện Bình Sơn
26	Dự án Khu hậu cần cảng - logistics Bắc Dung Quất	Huyện Bình Sơn
27	Xây dựng các Chợ đầu mối	TP. Quảng Ngãi, Thị xã Đức Phổ, các huyện: Sơn Tịnh, Sơn Hà, Bình Sơn
28	Khu Thương mại đô thị kết hợp Hậu cần nghề cá Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ
29	Đầu tư hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, trung tâm Hội nghị, chợ hạng I v.v.	Các địa phương trên địa bàn tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
30	Khu thể dục, thể thao, văn hóa tập trung quy mô liên huyện; đầu tư các khu, điểm du lịch, khu vui chơi, giải trí v.v.	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
31	Trạm dừng nghỉ, trung chuyển, bến xe, cửa hàng xăng dầu	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
32	Hạ tầng dịch vụ hậu cần cảng và logistics	Tp. Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức
*	Hạ tầng đô thị, khu dân cư	
33	Khu đô thị sinh thái đa chức năng , xã Tịnh Long và Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
34	Khu đô thị sinh thái và du lịch Coastal Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa
35	Khu đô thị nghỉ dưỡng, sinh thái Sông nước Quảng Ngãi	Các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức
36	Khu đô thị Hoàng Sa-Dốc Sỏi	TP. Quảng Ngãi
37	Khu đô thị Meyhomes Tịnh Long	TP. Quảng Ngãi
38	Khu đô thị Tịnh Phong	Huyện Sơn Tịnh
39	Khu đô thị Châu Ổ - Bình Long	Huyện Bình Sơn
40	Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất,	Huyện Bình Sơn
41	Khu đô thị - Dịch vụ Nam Châu Ổ - Bình Long	Huyện Bình Sơn
42	Khu đô thị - Dịch vụ Nam sân bay Chu Lai,	Huyện Bình Sơn
43	Khu đô thị Gành Yến Ocean View City	Huyện Bình Sơn
44	KDC Rừng Nhợ (huyện Lý Sơn)	Huyện Lý Sơn
45	Khu đô thị - du lịch Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
46	Công viên Quảng trường biển, kết hợp khu đô thị - dịch vụ sinh thái thành phố Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
47	Công viên Thạch Bích	TP. Quảng Ngãi
48	Công viên Thiên Bút	TP. Quảng Ngãi
49	Các dự án đầu tư khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, nhà ở thương mại;	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	Tài nguyên và Môi trường	
50	Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất	Các huyện: Sơn Tịnh, Bình Sơn
51	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
52	Dự án Nghĩa trang nhân dân Nghĩa Kỳ	Huyện Tư Nghĩa
53	Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng	Huyện Tư Nghĩa
54	Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng	TP. Quảng Ngãi
55	Đầu tư khu xử lý nước thải, thu gom, xử lý chất thải, nghĩa trang, nhà tang lễ quy mô cấp tỉnh, liên huyện.	Các địa phương trên địa bàn tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
*	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	
56	Khu nông nghiệp tập trung; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Thị xã Đức Phổ; các huyện: Nghĩa Hành, Sơn Hà, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa
57	Thu hút đầu tư nhà máy chế biến nông lâm thủy sản thực phẩm	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
58	Khu hậu cần nghề cá	Các địa phương ven biển
59	Phát triển các vùng chuyên canh cây nông nghiệp, dược liệu, vườn ươm v.v.	các huyện phía Tây của tỉnh
60	Phát triển các khu chăn nuôi, giết mổ tập trung	Các địa phương trên địa bàn tỉnh
*	Y tế, giáo dục, văn hoá, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội	
61	Bệnh viện đa khoa phía Nam thị xã Đức Phổ	Thị xã Đức Phổ
62	Bệnh viện đa khoa Tịnh Phong, Dung Quất	Huyện Sơn Tịnh
63	Trường THPT Tư thực La Hà	Huyện Tư Nghĩa
64	Trường THPT Tư thực Hành Đức	Huyện Nghĩa Hành
*	Các dự án thu hút khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh	Các địa phương trên địa bàn tỉnh

Ghi chú:

- Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Các công trình, dự án đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia và Quy hoạch vùng được phê duyệt.

- Đối với các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có): Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi rà soát, cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án; đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án: chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành./.

PHỤ LỤC XV
DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NGÃI
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Hệ thống bản đồ Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1/100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1/100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1/100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1/100.000
5	Sơ đồ, bản đồ phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1/100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1/100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1/100.000
8	Sơ đồ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1/100.000